

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: **Công nghệ dệt may** Chuyên ngành: **Công nghệ dệt**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN TUẤN ANH**

2. Ngày tháng năm sinh: 12/09/1979; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Hải Bắc, Hải Hậu, Nam Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 74/12/7A, Tổ 11, Đường số 6, KP.3, P. Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ: Số 1, Võ Văn Ngân, P. Linh Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại nhà riêng: 0909275479; Điện thoại di động: 0934061793;

E-mail: nta@hcmute.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 08/2018 đến nay: Trưởng Khoa Thời trang và Du lịch, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh

- Từ 08/2015 đến 07/2018: Trưởng ngành Công nghệ May, Khoa Đào tạo Chất lượng cao, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh

- Từ 12/2014 đến 07/2015: Giảng viên, Khoa Công nghệ May và Thời trang, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh

- Từ 08/2011 đến 11/2014: Nghiên cứu sinh - Trợ lý nghiên cứu, Khoa Kỹ thuật Cao phân tử, Trường Đại học Công nghệ Quốc gia Hải Bắc, Hải Loan

- Từ 04/2007 đến 07/2011: Phó trưởng Bộ môn Công nghệ May, Khoa Công nghệ May và Thời trang, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh

- Từ 07/2004 đến 03/2007: Giảng viên, Khoa Công nghệ May và Chế biến Thực phẩm, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh

Chức vụ hiện nay: Trưởng Khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Thời trang và Du lịch, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ quan: Số 1, Võ Văn Ngân, P. Linh Chiểu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: 028.3722.1223 (tổng đài) - 028.3896.6840 (VP khoa)

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 30 tháng 4 năm 2004; số văn bằng: B277009; ngành: Công nghệ may; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 18 tháng 6 năm 2008; số văn bằng: A0040233; ngành: Công nghệ Dệt may; nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 31 tháng 1 năm 2015; ngành: Vật liệu năng lượng và quang điện tử (Energy and Optoelectronic Materials); chuyên ngành: Vật liệu polymer sinh (theo nội dung luận án); Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Công nghệ Quốc gia Đài Bắc (National Taipei University of Technology - Taipei Tech), Đài Loan

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Cơ khí - Động lực

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Tập trung phát triển quy trình nhuộm bền vững cho vải từ xơ sợi tự nhiên như bông và tơ tằm, sử dụng chất màu thực vật như hoa đậu biếc, bã cà phê, hạt điều, hoa giấy... thay thế thuốc nhuộm tổng hợp.

- Hướng nghiên cứu 2: Nâng cao tính năng sử dụng của vải thông qua xử lý hoàn tất tạo chức năng như kháng khuẩn, chống tia UV, chống thấm nước, sử dụng hợp chất tự nhiên và tổng hợp thân thiện môi trường.

- Hướng nghiên cứu 3: Nghiên cứu đặc tính cấu trúc, quang học và lưu biến của polysaccharide như cellulose, hydroxypropyl cellulose và xanthan gum, từ đó làm rõ cơ chế chuyển pha và ứng dụng trong ngành dệt may.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn 03 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành 05 đề tài NCKH cấp cơ sở (chủ nhiệm 2 đề tài).

- Đã công bố 34 bài báo khoa học, trong đó 14 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản là 05, trong đó 05 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Giấy khen “Đã có thành tích tốt trong hoạt động khoa học và công nghệ năm 2024” của Ban chấp hành Công đoàn Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM, Quyết định 115/QĐKT-CD ngày 25/12/2024
- Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục” của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo, Quyết định 3352/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2024.
- Bằng khen “thành tích xuất sắc tiêu biểu trong công tác tổ chức Hội thi Học sinh, sinh viên giỏi nghề giai đoạn 2019-2024”, Quyết định số 171/QĐKT/TĐTN-VP ngày 22/04/2024, Thành đoàn Thành phố Hồ Chí Minh
- Giấy khen “Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2019”, Quyết định số 647/QĐ/ĐU ngày 10/01/2020, Đảng ủy Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM
- Giấy khen “Đã thực hiện tốt công tác đánh giá ngoài CTĐT ngành Công nghệ May đợt 11/2019” theo AUN-QA của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM vì, Quyết định số 1806/QĐ-ĐHSPKT ngày 24/6/2020
- Bằng khen “Việc hỗ trợ công tác tổ chức Hội thi học sinh, sinh viên giỏi nghề cấp Thành năm 2022 của Thành Đoàn TP. Hồ Chí Minh”, Quyết định số 42/QĐKT/TĐTN-VP ngày 19/05/2022.
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 2023-2024, Quyết định số 21/QĐ-ĐHSPKT ngày 3/1/2025, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 2017-2018, Quyết định số 1420/QĐ-ĐHSPKT ngày 14/9/2018, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 2018-2019, Quyết định số 1812/QĐ-ĐHSPKT ngày 19/9/2019, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 2010-2011, Quyết định số 286/QĐ-ĐHSPKT ngày 20/9/2011, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo.

Học viên có lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, luôn chấp hành nghiêm túc chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Tinh thần tự giác, trung thực trong lao động và sinh hoạt được duy trì thường xuyên. Bản lĩnh chính trị được rèn luyện và thể hiện rõ qua quá trình công tác, được tổ chức tin tưởng, kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 19/05/2010 và được giao đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý từ cấp bộ môn đến ban chủ nhiệm khoa.

Được đào tạo bài bản tại các cơ sở giáo dục uy tín trong và ngoài nước như Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội và Trường Đại học Quốc gia Kỹ thuật Đài Bắc, đạt trình độ chuyên môn cao, đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, đã tham gia nhiều khóa học ngắn hạn nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng quản lý.

Có phong cách giao tiếp chuẩn mực, luôn nhận được sự tin tưởng và tôn trọng từ cấp trên, đồng nghiệp và sinh viên. Luôn giữ tinh thần cầu thị, ý thức tự trau dồi, học hỏi không ngừng để nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm. Có tư duy đổi mới và tinh thần sáng tạo trong giảng dạy, nghiên cứu cũng như thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Luôn hoàn thành nhiệm vụ đúng tiến độ với tinh thần trách nhiệm cao. Gương mẫu trong việc thực hiện quy chế, quy định đối với giảng viên đại học, tuân thủ nội quy lao động, ứng xử chuẩn mực, góp phần xây dựng và giữ gìn hình ảnh, phẩm chất tốt đẹp của nhà giáo.

Thành tích nổi bật trong quá trình công tác:

- Hoàn thành vượt mức khối lượng giảng dạy và nhiều năm liền được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu và quản lý. Có năng lực sư phạm vững vàng, được sinh viên đánh giá cao và thường xuyên tham gia các khóa bồi dưỡng phương pháp giảng dạy.
- Có thành tích nghiên cứu nổi bật với 02 đề tài cấp cơ sở, 34 bài báo trong và ngoài nước, chủ biên 05 giáo trình đại học, tham gia nhiều hội thảo và hội đồng khoa học các cấp. Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, thực hiện đồ án tốt nghiệp sáng tạo, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ngành dệt may.
- Đóng góp tích cực trong xây dựng chương trình đào tạo, kết nối doanh nghiệp, tư vấn tuyển sinh, định hướng nghề nghiệp và các hoạt động phong trào cho học sinh - sinh viên. Sức khỏe tốt, sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu công tác giảng dạy và nghiên cứu

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: **21** năm

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn GD trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn GD trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn GD quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính h	Phụ			ĐH	SDH	
1	2018-2019	0	0	0	5	751	0	751/806.76/202.5
2	2019-2020	0	0	0	4	765	0	860/830.50/202.5
3	2020-2021	0	0	0	7	600	0	600/727.00/202.5
4	2021-2022	0	0	2	3	735	0	906/720.40/202.5
03 năm học cuối (HK1+HK2)								
5	2022-2023	0	0	1	4	810	0	810/925.00/202.5
6	2023-2024	0	0	0	4	960	0	960/864.20/162.0
7	2024-2025	0	0	0	8	705	0	705/831.09/121.5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ☐ ThS ☐ hoặc luận án TS hoặc TSKH ☒; tại nước: Đài Loan, năm 2015

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ B (2004), B2 (TOEIC, APTIS)

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính h	Phụ			
1	Nguyễn Thị Hồng Duyên		x	x		06/09/2021-22/01/2022	Trường ĐH Bách Khoa TP.HCM	1192/QĐ-ĐHBK ngày 15/04/2022
2	Nguyễn Nữ Như Trâm		x		x	06/09/2021-30/06/2022	Trường ĐH Bách Khoa TP.HCM	4785/QĐ-ĐHBK ngày 09/11/2023

3	Lương Nguyễn Viết Nam		x	x		06/02/2023- 11/06/2023	Trường ĐH Bách Khoa TP.HCM	4512/QĐ- ĐHKB ngày 03/01/2023
---	-----------------------------	--	---	---	--	---------------------------	-------------------------------------	-------------------------------------

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	TRƯỚC KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TIẾN SĨ						
1	Nguyên liệu dệt	GT	NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, 2013	1	x	1-157	1776/GXN-ĐHSPKT ngày 29/5/2025
2	Nguyên phụ liệu may	GT	NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, 2013	1	x	1-133	1775/GXN-ĐHSPKT ngày 29/5/2025
3	Quá trình hoàn tất vải	GT	NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, 2013	1	x	1-128	1777/GXN-ĐHSPKT ngày 29/5/2025
4	Tin học ứng dụng ngành may 1	GT	NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, 2013	1	x	1-128	1773/GXN-ĐHSPKT ngày 29/5/2025
II	SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TIẾN SĨ						
1	Khoa học vật liệu dệt	CK	NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, 2024	1	x	1-262	1774/GXN-ĐHSPKT ngày 29/5/2025

Trong đó: Số lượng sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS:

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang....

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	TRƯỚC KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TIỀN SĨ				
1	Nghiên cứu phần mềm soạn thảo từ điển chuyên ngành dệt may	CN	T2010-42 Cấp Trường	3/2010-11/2010	- Quyết định 21/QĐ-ĐHSPKT-QLKH ngày 20/10/2010 - Biên bản nghiệm thu đề tài ngày 12/11/2010 - Xếp loại: Khá
II	SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TIỀN SĨ				
2	Nghiên cứu tăng độ bền màu và khả năng chống oxy hóa của vải nhuộm bằng dịch chiết cà phê	CN	T2022-73 Cấp Trường	05/2022-09/2023	- Quyết định 2831/QĐ-ĐHSPKT ngày 29/9/2023 - Biên bản nghiệm thu đề tài ngày 11/10/2023 - Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

T T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	TRƯỚC KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TIỀN SĨ							
	Bài báo đăng trong tạp chí khoa học quốc tế							
1.	Phase Formation and Transition in a Xanthan	2		Cellulose pISSN: 0969-0239,	SCIE IF=3.48, Q1 (2014)	9	21 1277-1288	2014

	gum/H ₂ O/H ₃ PO ₄ Tertiary System			eISSN: 1572-882X				
	DOI: https://doi.org/10.1007/s10570-014-0193-7							
2.	Liquid crystalline phase in xanthan gum (XG)/H ₂ O/H ₃ PO ₃ and XG/H ₂ O/H ₃ PO ₄ tertiary systems: a thermal and rheological study	2		Cellulose pISSN: 0969-0239, eISSN: 1572-882X	SCIE IF=3.48, Q1 (2014)	10	21(5) 3231-3241	2014
	DOI: https://doi.org/10.1007/s10570-014-0358-4							
3.	Formation of Liquid Crystals and Behavior of LCST upon Addition of Xanthan Gum (XG) to Hydroxypropyl Cellulose (HPC) Solutions	3		Cellulose pISSN: 0969-0239, eISSN: 1572-882X	SCIE IF=3.48, Q1 (2014)	16	22(1) 53-61	2014
	DOI: https://doi.org/10.1007/s10570-014-0469-y							
4.	Liquid crystal formation and rheological study in aqueous blends of xanthan/acacia gum	4		Food Hydrocolloids pISSN: 0268-005X, eISSN: 1873-7137	SCIE IF=4.28, Q1 (2015)	4	46 52-58	2015
	DOI: https://doi.org/10.1016/j.foodhyd.2014.12.013							
	Bài báo đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế							
5.	Interaction between XG and HPC in Blended-HPC/H ₂ O/H ₃ PO ₄ Tertiary System	3	X	5 th International Conference on Biomedical Engineering in Vietnam ISBN: 978-3-319-11775-1	IFMBE Proceedings in Springer indexed by Scopus		46 223-226	2014
	DOI: https://doi.org/10.1007/978-3-319-11776-8_54							

6.	Liquid crystalline behavior and miscibility of HPC/H ₂ O/H ₃ PO ₄ tertiary system as blending XG in HPC	2	X	13 th Asian Workshop on Polymer Processing - Annual Conference (AWPP2014), organized by Chang Gung University ACMT, Kenting City, Taiwan			1014	2014
Bài báo đăng trong tạp chí trong nước								
7.	Xây dựng chương trình từ điển chuyên ngành dệt may phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu ở Việt Nam	2	X	Tạp chí Khoa học Giáo dục Kỹ thuật (Journal of Technical Education Science - JTE) ISSN: 1859-1272			6(1) 58-63	2011
II	SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TIỀN SĨ							
Bài báo đăng trong tạp chí khoa học quốc tế								
8.	Evaluation on Dyeable, Antibacterial and Antioxidant Properties of Cotton Fabric Dyed with Spent Coffee Grounds	4	X	Journal of the Textile Institute pISSN: 0040-5000 eISSN: 1754-2340	SCIE IF=1.5, Q2 (2023)		115 1784-1791	2023
DOI: https://doi.org/10.1080/00405000.2023.2265620								
9.	Ultraviolet Resistance on Weft Knitted Fabric Coated by Benzotriazoles	2	X	Fashion and Textiles ISSN: 2198-0802	SCIE IF=2.4, Q1 (2024)	2	11(7) 1-13	2024
DOI: https://doi.org/10.1186/s40691-024-00376-w								

10.	Color Strength and Color Difference of Cotton and Silk Fabrics Dyed with Extracts from Butterfly Pea Flowers	4	X	Cellulose Chemistry and Technology eISSN: 2457-9459 pISSN: 0576-9787	SCIE IF=1.29, Q3 SJR=0.27 (2024)	1	58(3-4) 361-369	2024
DOI: https://doi.org/10.1080/00405000.2024.2314321								
11.	Study on Dyeability of Silk Fabric with Anthocyanin Extracted from Butterfly Pea Flowers	3	X	Textile Research Journal eISSN: 1746-7748 pISSN: 0040-5175	SCIE IF=2.0, Q2 (2024)	1	95(7-8) 679-687	2024
DOI: https://doi.org/10.1177/00405175241264872								
12.	Research on Ultraviolet Protection of Dyed Silk Fabric with Extracts from Clitoria Ternatea Flowers	2	X	Journal of the Textile Institute pISSN: 0040-5000, eISSN 1754-2340	SCIE IF=1.5, Q2 (2024)	1	116 (1) 47-52	2025
DOI: https://doi.org/10.1177/00405175241264872								
13.	Influences of Crosslinker and Molecular Weight of Chitosan on Physicochemical Properties of Antibacterial Treated Cotton Fabrics	4		Cellulose Chemistry and Technology eISSN: 2457-9459 pISSN: 0576-9787	SCIE IF=1.29, Q3 SJR=0.27 (2024)		58(5-6) 617-625	2024
DOI: https://doi.org/10.35812/CelluloseChemTechnol.2024.58.56								
14.	Determination of Nitrogen Content in Antibacterial Cotton Fabric	4		Vlakna a Textil (Fibres and Textiles)	SCOPUS SJR=0.21, Q3 (2024)		31(2) 3-11	2024

	Treated with Chitosan			eISSN: 2585-8890 pISSN: 1335-0617				
	DOI: https://doi.org/10.15240/tul/008/2024-2-001							
15.	Dyeability of Cotton Fabric with Extract from Bougainvillea Glabra	3	X	Materials Science Forum Book series: Textiles, Green Chemistry, Metals and Concrete Production and Applications ISBN: 978-3-0364-0452-3 (softcover); 978-3-0364-1452-2 (eBook)	SCOPUS Q4 CiteScore = 0.9 (2024)		1138 63-69	2024
	DOI: https://doi.org/10.4028/p-n6OtgS							
16.	Antibacterial Activity of Polyethylene Nonwoven Wipes Treated with Natural Essential Oils	2	X	AATCC Journal of Research eISSN: 2330-5517 pISSN: 2472-3444	SCIE IF=0.6, Q3 (2024)		12(1) 1-9	2025
	DOI: https://doi.org/10.1177/24723444241287156							
17.	Effects of Light Sources on Illuminance Difference and Color Difference for Dyed Fabrics	4	X	Vlakna a Textil (Fibres and Textiles) eISSN: 2585-8890 pISSN: 1335-0617	SCOPUS SJR=0.21, Q3 (2024)		32(2) 3-10	2025
	DOI: https://doi.org/10.15240/tul/008/2025-2-001							
	Bài báo đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế							

18.	Synergistic Effect of Concentration, Temperature and Oscillation Frequency on Anisotropic and Rheological Behavior of Aqueous Xanthan Gum Mixtures	1	X	3 rd International Conference on Green Technology and Sustainable Development (GTSD2016) Kaohsiung, Taiwan eISBN:978-1-5090-3638-7 pISBN:978-1-5090-3639-4	IEEE Conference Proceedings		258-262	2016
DOI: https://doi.org/10.1109/GTSD.2016.64								
19.	Interaction between Fluoro Emulsion and Silane Quaternary Ammonium Salt on Dual Antibacterial and Water Repellent Fabric of Surgical Gown	2	X	The 7 th Conference on Translational Health Science and Technology for Developing Countries (BME7) ISBN: 978-981-13-5859-3	IFMBE Proceedings in Springer		69 663-667	2018
DOI: https://doi.org/10.1007/978-981-13-5859-3_112								
20.	Multifunctional Smart Textiles: Influences of Hydrophobic Additional Finishes on Antimicrobial Treated Cotton Fabric	1	X	The 4 th International Conference on Green Technology and Sustainable Development (GTSD2018) pISBN:978-1-5386-5127-8 eISBN:978-1-5386-5126-1	IEEE Proceedings EI-index	5	524-527	2018
DOI: https://doi.org/10.1109/GTSD.2018.8595621								

21.	Reusing Fabric Scraps in Garment Industry - A Green Manufacturing Process	2	X	5 th International Conference on Green Technology and Sustainable Development (GTSD2020) ISBN:978-1-7281-9982-5 (Online) ISBN:978-1-7281-9983-2 (Print)	IEEE Proceedings	3	109-113	2020
DOI: https://doi.org/10.1109/GTSD50082.2020.9303109								
22.	Effect of Biodegradable and Metallic Mordants on Dyeing Cotton Fabric with Spent Coffee Grounds	1	X	6 th International Conference on Green Technology and Sustainable Development (GTSD2022) ISBN: 978-604-73-9622-1	VNUHCM-Press (NXB ĐHQG TP.HCM)		146-151	2022
DOI: https://doi.org/10.1109/GTSD54989.2022								
23.	Examining the Unified Theory of Acceptance and Use of Technology towards the Application of Collaborative Robots in Garment Factories in Vietnam	5		International Textile and Apparel Association (ITAA), Denver, Colorado (US), Iowa State Digital Press ISSN: 2769-0512	Annual Conference Proceedings	1	79 1-3	2022
DOI: https://doi.org/10.31274/itaa.15866								
24.	Evaluation on Color Variation of Cotton Fabric Dyed with Coffee	1	X	The 8 th International Science Conference on	IEEE Proceedings		1-4	2023

	Grounds through Color Space and Color Histogram			Applying New Technology in Green Buildings (ATiGB2023) eISBN: 979-8-3503-4397-7 ISBN: 979-8-3503-4398-4				
	DOI: https://doi.org/10.1109/ATiGB59969.2023.10364508							
25.	Evaluating Static and Kinetic Friction Coefficient of Fabrics through Experimental Model	4	X	9 th International Conference on Applying New Technology in Green Buildings (ATiGB2024) eISBN: 979-8-3315-0504-2 ISBN: 979-8-3315-0505-9	IEEE Proceedings		38-43	2024
	DOI: https://doi.org/10.1109/ATiGB63471.2024.10717801							
26.	Effect of Sulfuric Acid on Dyeability of Nylon Knitted Fabrics with NBS Dyes	2	X	5 th International Conference on Machining, Materials and Mechanical Technologies (IC3MT2024) ISBN: 978-604-67-3008-8	Science and Technics Publishing House		326-331	2024
27.	Evaluation on Friction Fastness of Dyed Fabric through Color Difference and Mass Change	2		International Conference on Advanced Materials and Technology (ICAMT2024) ISBN: 9978-604-488-764-3	Bach Khoa Publishing House		281-285	2024
	Bài báo đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc gia							

28.	Study on Color Testing Methods on Knitted Sportswear at Testing Lab of Garment Factory	1	X	21 st Scientific Conference by HUST - Hội nghị Khoa học lần thứ 21 ĐHBK Hà Nội (Phân ban Dệt may), Tạp chí cơ khí Việt Nam số đặc biệt. ISSN: 0866-7056			38-41	2016
29.	Evaluating Method of Color Variation and Difference among Fabric Samples Based on Digital Image Analysis	2	X	2 nd National Scientific Conference on Textile, Apparel and Leather Engineering (NSCTEX2020) - Hội nghị Khoa học Toàn quốc về Dệt may - Da giày lần 2 ISBN: 978-604-316-057-4	NXB Bách Khoa Hà Nội		16-21	2021
30.	A Simple Experimental Model to Determine Thermal Conductivity of Fabrics	2	X	The 3 rd National Scientific Conference on Textile, Apparel and Leather Engineering (NSCTEX2022) - Hội nghị Khoa học Toàn quốc về Dệt may - Da giày lần 3 ISBN: 978-604-316-894-5	NXB Bách Khoa Hà Nội		57-60	2022
31.	MATLAB-based Color Evaluation Methods and Future Prospects in Textile Fabrics	2	X	The 4 th National Scientific Conference on Textile, Apparel and Leather Engineering (NSCTEX2024)	NXB Bách Khoa Hà Nội		35-39	2025

				- Hội nghị Khoa học Toàn quốc về Dệt may - Da giày lần 4 eISBN: 978-632-609-267-7				
	Bài báo đăng trong tạp chí trong nước							
32.	Experimental Model of Determining Drape Coefficient of Fabric through Image Analyzing Techniques	3	X	Journal of Technical Education Science (JTE) - Tạp chí Giáo dục Kỹ thuật ISSN: 1859-1272			68 121-127	2022
	DOI: https://doi.org/10.54644/jte.68.2022.1102							
33.	Investigation on Color Difference of Dyed Cotton Fabrics with Extracts from Bixa Orellana Seeds through CIELAB Color Space	3	X	Tạp chí Khoa học Đại học Công Thương (HUIT Journal of Science) p-ISSN: 3030-4113 e-ISSN: 3030-413X			24(1) 112-121	2024
	DOI: https://doi.org/10.62985/j.huit_ojs.vol24.no1.26							
34.	An Investigation into Moisture Retention of Textile Fabrics: Effects of Blending Ratio, Drying Temperature, Curing Time, Dyes, Detergents, and Softeners	3	X	Tạp chí Giáo dục Kỹ thuật (Journal of Technical Education Science, JTE) ISSN: 1859-1272			20(2) 89-94	2025
	DOI: https://doi.org/10.54644/jte.2025.1742							

- Trong đó: Số lượng **08** bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: [8, 9, 10, 11, 12, 15, 16, 17]

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Vật liệu Dệt may	Tham gia	251/QĐ-ĐHSPKT ngày 21/02/2019 về việc Thành lập Tổ soạn CTĐT ngành Công nghệ Vật liệu Dệt May	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM	1262/QĐ-ĐHSPKT ngày 02/07/2019 về việc ban hành CTĐT ngành công nghệ Vật liệu Dệt - may	
2	Đánh giá kiểm định ngoài chương trình Công nghệ may theo AUN-QA	Chủ trì (trưởng nhóm)	1844/QĐ-ĐHSPKT ngày 23/09/2019 về việc kiện toàn nhóm SAR chương trình đào tạo ngành Công nghệ may	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM	Chứng nhận hoàn thành đánh giá của tổ chức AUN-QA ngày 14/12/2019 cho ngành Công nghệ may	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Tuấn Anh